

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 93/2023/HS-ST
Ngày 12 tháng 9 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thông

Ông Nguyễn Ngọc Triển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2023/TLST - HS ngày 09 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Bùi Thị T, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1983 tại xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi đăng ký HKTT: Xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi làm việc: Thôn C, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn L, sinh năm 1959; con bà: Bùi Thị H, sinh năm 1960; Chồng: Lương Văn Đ, sinh năm 1987, con: Có 03 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2022); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang tại ngoại (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; (Vắng mặt)

Anh Trương Đình P, sinh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: Xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Hiện đang chấp hành án tại trại giam V (Vắng mặt).

Ngân hàng TMCP T (TPBank); Địa chỉ: Tòa nhà TĐL, 22 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP T (TPBank); Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ L - Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ KHCN Ngân hàng TMCP T (TPBank) (Theo văn bản ủy quyền số 08/2019/UQ-TPB.HĐQT ngày 14/5/2019 của Ngân hàng TMCP T); Người được ủy quyền lại: Ông Ma Nhân Hoàng A, sinh năm 1997 - Chức vụ: Chuyên viên Ngân hàng TMCP T (TPBank); Địa chỉ: Số 44, đường L, quận H, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/7/2019, Bùi Thị T, sinh năm 1983, trú tại xóm Chùa Nhãn, thôn C, xã C, huyện V - là giám đốc Công ty TNHH T đã đại diện cho Công ty mua xe ô tô bán tải nhãn hiệu NISAN- NAVARAEL và được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 047537 ngày 29/7/2019, biển số xe đăng ký là 88C- 169.71 đứng tên Công ty TNHH T. Ngày 30/7/2019, Bùi Thị T - Giám đốc Công ty T đã ký hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 549/2019/HĐTD/TTB MB2/01 với Ngân hàng TMCP T (TPBANK), địa chỉ Tòa nhà TĐL- 22 Láng Hạ- phường Láng Hạ- Quận Đống Đa- thành phố Hà Nội với nội dung là Công ty TNHH T vay Ngân hàng số tiền 501 triệu đồng gốc và thế chấp 01 chiếc xe ô tô nói trên của Công ty TNHH T. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng TMCP T giữ bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 047537 và cấp bản sao cho Công ty T để lưu hành; Công ty T được quản lý, sử dụng xe ô tô BKS 88C- 169.71 theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp và theo quy định của pháp luật. Do có nhu cầu hoán cải thùng xe nên ngày 16/8/2019, đại diện Ngân hàng TMCP T và Bùi Thị T đã đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc làm thủ tục hoán cải (thùng) xe ô tô biển kiểm soát 88C-169.71. Sau khi tiếp nhận thủ tục, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc thu lại chứng nhận đăng ký xe ô tô số 047537 cấp ngày 29/7/2019 và cấp mới Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 047984 ngày 19/8/2019, T bàn giao cho Ngân hàng TMCP T quản lý theo quy định.

Quá trình quản lý và sử dụng xe ô tô nêu trên, T cho Trương Đình P, sinh năm 1983, trú tại xã C, huyện V thường xuyên sử dụng xe cùng các giấy tờ liên quan đến xe ô tô này để phục vụ hoạt động của Công ty TNHH T (P là chồng cũ của T, đã ly hôn ngày 11/11/2022). Đến cuối năm 2019, do hoạt động kinh tế

của Công ty TNHH T gặp khó khăn, thiếu vốn để duy trì sản xuất nên T tìm người cho vay tiền và T sẽ cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 để bảo đảm khoản vay. Qua tìm hiểu, T được ông Kim Văn T sinh năm 1962, trú tại thôn xóm M, xã T, huyện V cho biết anh Nguyễn Minh H sinh năm 1978, trú tại thôn P, xã T, huyện V là người có tiền cho người khác vay. Ngày 03/01/2020, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88C-169.71 mang theo giấy tờ xe và đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 giả (*T biết rõ chứng nhận đăng ký xe này là giả vì bản gốc giấy đăng ký xe ô tô lần đầu do Ngân hàng quản lý và đã bị Phòng CSGT Công an tỉnh Vĩnh Phúc thu hồi khi cấp đăng ký mới sau hoán cải thùng xe, còn bản gốc giấy đăng ký xe ô tô mới cấp ngày 19/8/2019 được giao cho Ngân hàng quản lý ngay sau cấp; theo T trình bày khi biết T muốn vay tiền có cầm cố xe ô tô thì Trương Đình P đưa cho T giấy tờ chiếc xe trong đó có giấy đăng ký xe ô tô số 047537 cấp cho xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 ngày 29/7/2019*), T chở ông T đến nhà ở của anh H tại xã T, huyện V để hỏi vay tiền. Tại đây, T và anh H thống nhất thỏa thuận việc anh H cho T vay số tiền 400.000.000đ với mức lãi suất là 1.400đ/1.000.000đ/ngày (tương đương 4,2%/tháng tức 50,4%/năm), trả lãi hàng tháng, thời hạn vay là 4 tháng, T giao chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 cùng giấy tờ xe cho H để đảm bảo khoản vay (cầm cố). Mặc dù là cầm cố xe nhưng anh H và T thống nhất ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô này với giá mua bán là bằng đúng số tiền vay (400 triệu đồng) và giấy biên nhận tiền đặt cọc xe, sau đó anh H ký ghi họ tên còn T ký và đóng dấu Công ty T; nếu hết hạn 04 tháng mà T không trả được tiền vay thì hợp đồng mua bán xe BKS 88C-169.71 có hiệu lực, T phải chuyển lại hóa đơn bán xe của Công ty T do T làm giám đốc, anh H trở thành chủ xe và hai bên không phải ký hợp đồng mua bán xe nữa. Sau đó, T đã bàn giao chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 kèm theo các giấy tờ gồm: 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 số 047537 (là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả), 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường P tiện giao thông cơ giới đường bộ, 01 bảo hiểm bắt buộc điều của xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 cho anh H. T không nói cho anh H biết xe ô tô 88C- 169.71 là tài sản T đang thế chấp tại Ngân hàng và Chứng nhận đăng ký xe ô tô T đưa cho anh H là giả để cho H tin tưởng và đồng ý cho T cầm cố chiếc xe ô tô này để vay 400.000.000đ.

Sau khi cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 cho anh H như trên, T đã sử dụng số tiền 400.000.000đ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH T và trong thời gian từ tháng 01/2020 đến 25/11/2020, T đã nhiều lần trả tiền lãi cho anh H với tổng số tiền 68.700.000đ, ngoài ra T chưa trả tiền gốc hay khoản tiền khác. Sau khi hết hạn vay 4 tháng, anh H nhiều

lần yêu cầu T trả tiền nhưng do hoạt động kinh doanh của Công ty gặp khó khăn, T không có tiền trả anh H và khát nợ nên căn cứ vào hợp đồng mua bán xe lập ngày 03/01/2020, anh H đã sử dụng chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 làm P tiền để tham gia giao thông.

Đối với khoản tiền 501.000.000đ đã vay của Ngân hàng TPBANK, T trả được tiền lãi và gốc tính từ ngày vay đến ngày 01/9/2020, tổng cộng là 110.050.826 đồng, từ ngày 01/9/2020 do Công ty T gặp khó khăn nên Công ty TNHH T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Ngày 06/9/2022, Ngân hàng TMCP T đã ra Quyết định về việc thu giữ tài sản đảm bảo số 314/2022/QĐ-TPB-NHCN.THN, ra thông báo về việc thu giữ tài sản đảm bảo số 1311/TB/TPB/NHCN.THN về việc thu giữ tài sản đảm bảo của Công ty TNHH T đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP T là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71.

Ngày 27/9/2022, đại diện Ngân hàng TMCP T phát hiện chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C-169.71 do anh H đang quản lý, sử dụng tại khuôn viên Quảng trường Hồ Chí Minh- phường Khai Quang- thành phố Vĩnh Yên- tỉnh Vĩnh Phúc nên đã làm việc với anh H để thu giữ chiếc xe ô tô nêu trên. Tuy nhiên, anh H không đồng ý nên đã trình báo Công an phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên. Cùng ngày, anh H giao nộp chiếc xe ô tô trên cho Công an phường Khai Quang để giải quyết theo quy định. Lúc này, anh H mới được biết chiếc xe ô tô mà T đã cầm cố đảm bảo việc vay tiền mình là tài sản đã thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng, giấy đăng ký xe ô tô T đưa nghi là giả nên anh H đã làm đơn trình báo gửi đến Công an phường Khai Quang và Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi tiếp nhận nội dung trình báo nêu trên, Công an phường Khai Quang và Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đã xác minh ban đầu, củng cố hồ sơ theo quy định pháp luật. Quá trình kiểm tra xác minh, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên xác định thẩm quyền giải quyết tin báo nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường. Đến ngày 06/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đã chuyển nguồn tin về tội phạm, bàn giao toàn bộ hồ sơ và vật chứng liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường để giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi nhận được tin báo về tội phạm của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường đã tổ chức các hoạt động kiểm tra, xác minh theo quy định pháp luật. Quá trình kiểm tra, xác minh đã tạm

giữ 01 xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 loại xe bán tải nhãn hiệu NISAN-NAVARAEL, màu sơn trắng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 047537 có in thông tin chủ xe là Công ty TNHH T, biển số đăng ký 88C- 169.71, in hình dấu tròn đỏ và hình chữ ký của ông Hoàng Phúc H, chức vụ Phó Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc đề ngày 29/7/2019, các vật chứng trên đang được bảo quản theo đúng quy định.

Ngày 11/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Quyết định trưng cầu số 50 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu đối với 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 047537 có in thông tin tên chủ xe là Công ty TNHH T, biển số đăng ký 88C- 169.71, in hình dấu tròn đỏ và hình chữ ký của ông Hoàng Phúc H, chức vụ Phó Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc đề ngày 29/7/2019 do Nguyễn Minh H cung cấp và Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 042240 của xe ô tô có biển số đăng ký 88A- 253.53 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 15/02/2019, mẫu chữ ký của ông Hoàng Phúc H là Phó Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc trong năm 2019.

Ngày 10/02/2023 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 285/KL- KTHS, kết luận:

- *Hình dấu tròn trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một con dấu đóng ra.*

- *Chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một người ký ra.*

Ngày 20/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Quyết định trưng cầu số 176 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu đối với 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 047984 in thông tin tên chủ xe là Công ty TNHH T, biển số đăng ký 88C- 169.71, in hình dấu tròn đỏ và hình chữ ký của ông Hoàng Phúc H, chức vụ Phó Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc đề ngày 19/8/2019 do Ngân hàng TMCP T cung cấp; 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 046162, biển số đăng ký 88A- 270.25 được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 20/6/2019 do Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện Vĩnh Tường cung cấp, mẫu chữ ký của ông Hoàng Phúc H là Phó Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc trong năm 2019.

Ngày 17/4/2023 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 1033/KL- KTHS, kết luận:

- Hình dấu tròn trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn trên mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một người ký ra. (BL: 145-154)

Ngày 09/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 78 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Vĩnh Tường tiến hành định giá xác định giá trị của xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71. Ngày 15/02/2023, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Vĩnh Tường có Bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTTTHS, kết luận: *Giá trị của xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 tại thời điểm tháng 01/2020 là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).*

Cơ quan CSĐT đã thông báo các kết luận giám định, định giá nêu trên cho Bùi Thị T, anh Nguyễn Minh H và đại diện Ngân hàng TMCP T biết, tất cả đều đồng ý không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Thị T đã trình bày bản thân biết giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 88C- 169.71 là giả nhưng vẫn sử dụng giao cho anh Nguyễn Minh H để anh H tin tưởng cho T cầm cố chiếc xe ô tô nêu trên đảm bảo khoản vay cũng như không cho H biết việc chiếc xe nêu trên đang thế chấp tại ngân hàng. T còn trình bày chứng nhận đăng ký xe ô tô giả này là do Trương Đình P đưa cho T để sử dụng để vay tiền còn P làm giả hay ai làm giả thì T không biết. Sau khi vay được tiền của anh H thì T đã thông báo cho H biết xe ô tô 88C- 169.71 là tài sản T đang thế chấp tại Ngân hàng và Chứng nhận đăng ký xe ô tô T đưa cho H là giả. Tuy nhiên, Trương Đình P không thừa nhận hành vi như T trình bày. Nguyễn Minh H trình bày bản thân không biết chiếc xe ô tô nêu trên đã thế chấp tại ngân hàng và chứng nhận đăng ký xe ô tô là giả nên tin tưởng cho T vay tiền và cầm cố chiếc xe ô tô nêu trên, trước, trong và sau khi thỏa thuận anh H không được T cho biết chiếc xe ô tô nêu trên đang thế chấp tại ngân hàng.

Ngày 08/4/2023, Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa Bùi Thị T và Nguyễn Minh H để làm rõ nội dung sự việc. Kết quả đối chất, T khẳng định đã thông báo cho anh H vào ngày 04/01/2020 với nội dung xe ô tô 88C- 169.71 là tài sản T đang thế chấp tại Ngân hàng và Chứng nhận đăng ký xe ô tô T đưa cho anh H là giả nhưng anh H không thừa nhận nội dung này, anh H khai khi T cầm cố xe ô

tô 88C- 169.71 không thông báo cho H biết chiếc xe là tài sản T đang thế chấp tại Ngân hàng và Chứng nhận đăng ký xe ô tô T đưa cho H là giả, chỉ khi bị Ngân hàng thu xe thì H mới biết xe ô tô 88C- 169.71 đang được thế chấp tại ngân hàng, Ngân hàng đang giữ giấy đăng ký xe bản gốc.

Ngày 08/4/2023, Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa Bùi Thị T và Trương Đình P để làm rõ nội dung sự việc. Kết quả đối chất, T khẳng định Chứng nhận đăng ký xe ô tô 88C- 169.71 giả là do P đưa cho T, còn P làm giả hay ai làm giả thì T không biết nhưng P không thừa nhận nội dung này và khai không đưa Chứng nhận đăng ký xe ô tô 88C- 169.71 giả cho T, không biết thông tin gì liên quan đến việc T cầm cố xe ô tô 88C- 169.71 cho anh Nguyễn Minh H. Do không có ai biết, chứng kiến việc P đưa giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 047537 của xe ô tô có biển kiểm soát 88C- 169.71 giả cho T để T sử dụng khi giao chiếc xe ô tô cầm cố vay tiền của anh H. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh nguồn gốc của giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 047537 của xe ô tô có biển kiểm soát 88C- 169.71 giả này, khi nào làm rõ thì xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số: 89/CT-VKSVT ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị T từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng vì lý do bản thân bị cáo đang nuôi ba con nhỏ ăn học, gia đình bị cáo và Công ty đang gặp nhiều khó khăn nên không có tài sản gì.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, bị cáo khai nhận: Bùi Thị T là Giám đốc công ty TNHH T là chủ sở hữu chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71, loại xe bán tải nhãn hiệu NISAN- NAVARAEL, màu sơn trắng đã ký hợp đồng vay vốn kiêm thế chấp chiếc xe trên tại Ngân hàng TMCP T, Ngân hàng quản lý giấy chứng nhận đăng ký xe bản gốc còn xe được giao cho T quản lý, sử dụng theo quy định. Quá trình sản xuất do kinh doanh do cần vốn sản xuất nên T tìm người để vay tiền và cầm cố chiếc xe ô tô trên để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. T nói ý định trên với chồng cũ là anh Trương Đình P, sinh năm 1983, trú tại xã C, huyện V và T được anh P đưa lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 047537 có in thông tin tên chủ xe là Công ty TNHH T, biển số đăng ký 88C- 169.71, in hình dấu tròn đỏ và hình chữ ký của ông Hoàng Phúc Hiếu, chức vụ Phó Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc đề ngày 29/7/2019 (*theo lời khai của T, anh P không thừa nhận*). T biết đây là chứng nhận đăng ký xe giả nhưng do muốn vay được tiền để phục vụ kinh doanh nên T nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả này để chứng minh tài sản hợp pháp và có đủ giấy tờ theo quy định để vay tiền. Đến ngày 03/01/2020, T điều khiển xe ô tô BKS 88C- 169.71 đến gặp, thống nhất vay số tiền 400.000.000đ có cầm cố chiếc xe cùng chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho anh Nguyễn Minh H sinh năm 1978, trú tại xã T, huyện V. Bùi Thị T biết rõ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 047537 là giả (*ai làm giả thì chưa đủ cơ sở xác định là T hay P làm*) nhưng vẫn sử dụng để giao dịch vay tiền với anh H để chắc chắn việc anh H cho T vay tiền đồng thời để Ngân hàng không biết T vi phạm cam kết và nghĩa vụ bảo đảm được thỏa thuận theo hợp đồng. Sau khi kiểm tra xe và giấy chứng nhận đăng ký xe T cung cấp cùng các giấy tờ liên quan, anh H không phát hiện chứng nhận đăng ký xe ô tô T giao là giả nên đồng ý nhận cầm cố xe và cho T tiền vay. Sau khi vay được tiền T đã thực hiện đúng các cam kết trả lãi cho anh H đồng thời trả lãi cho Ngân hàng

theo hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, do gặp khó khăn trong sản xuất nên T không trả được gốc và lãi cho anh H và Ngân hàng. Việc sử dụng đăng ký xe ô tô giả để thực hiện cầm cố (quyền quản lý, sử dụng) chiếc xe ô tô nêu trên khi xe đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP T của T là hành vi trái pháp luật dân sự.

[3]. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo, người làm chứng, người liên quan tại cơ quan điều tra, Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do vậy có đủ cơ sở để xác định hành vi của Bùi Thị T đã phạm vào tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào ... sử dụng... tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm”

[4]. Hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính. Ngoài ra còn làm phức tạp thêm trật tự an toàn công cộng. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo; phòng chống phạm tội tương tự có thể xảy ra.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, không có tiền án, tiền sự gì. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo luôn khai báo thành khẩn, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo là phụ nữ đang nuôi con nhỏ và có nơi làm việc ổn định nên chỉ cần xử phạt bị cáo mức án cải tạo không giam giữ theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ điều kiện để cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Bị cáo tuy là giám đốc công ty nhưng do hoạt động kinh doanh khó khăn nên không có thu nhập, bản thân bị cáo đang nuôi ba con nhỏ ăn học nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là giám đốc công ty nhưng do hoạt động kinh doanh khó khăn nên không có thu nhập, bản thân bị cáo đang nuôi ba con nhỏ ăn học, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với nội dung anh Nguyễn Minh H tố giác Bùi Thị T có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình. Trong quá trình điều tra đến nay xác định khi vay tiền T và anh H thống nhất thỏa thuận việc T vay số tiền 400.000.000đ, mỗi tháng trả lãi một lần, thời gian vay 4 tháng và để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ T phải cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 cho anh H, sau khi thống nhất thì T đã giao xe cùng các giấy tờ liên quan cho anh H trong đó có giấy chứng nhận đăng ký xe là giả. Cùng ngày 03/01/2020, anh H và T thống nhất lập hợp đồng mua bán xe ô tô và giấy biên nhận tiền đặt cọc xe tiền xe sau đó anh H ký ghi họ tên còn T ký và đóng dấu Công ty. Thực hiện đúng thỏa thuận, T đã bàn giao chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 kèm theo các giấy tờ cho anh H quản lý và T đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi nhiều lần đến tháng 11/2020 cho anh H tổng cộng là 68.700.000đ (Sáu mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng). Mặc dù cả hai bên đều cho rằng sau khi hết hạn 4 tháng mà T không trả tiền thì căn cứ vào Hợp đồng mua bán xe hai bên đã ký ngày 03/01/2020 anh H trở thành chủ sở hữu xe nhưng sau khi hết hạn 4 tháng (tức từ tháng 5/2020) thì anh H đôn đốc T trả tiền vay còn T xin khất nợ và tiếp tục trả lãi tiền vay cho anh H cho đến khi gặp khó khăn, đến nay anh H vẫn không thực hiện thủ tục sang tên đổi chủ xe. Do đó, bản chất giao dịch xác lập giữa T và anh H là cầm cố tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ chứ không phải mua bán xe. Ngày 30/3/2023 T đã trả anh H 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và hai bên đã thỏa thuận trong vòng một năm từ ngày 30/3/2023 T phải trả nốt số tiền gốc là 250.000.000đ, không phải trả lãi nữa. Như vậy, mặc dù T có gian dối là không nói rõ việc chiếc xe đang được thế chấp tại Ngân hàng (Ngân hàng chỉ giữ bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe còn T có quyền quản lý, sử dụng chiếc xe, không được thực hiện giao dịch đối với chiếc xe nếu Ngân hàng không đồng ý). Khi chưa trả hết nợ cho Ngân hàng, chưa được xóa thế chấp và nhận lại giấy chứng nhận đăng ký xe gốc BKS 88C-169.71 thì do gặp khó khăn trong kinh doanh, T đã cầm cố chiếc xe ô tô này (chính là quyền quản lý, sử dụng chiếc xe) cho anh H để đảm bảo nghĩa vụ trả tiền vay và thực hiện việc trả lãi đầy đủ đến khi công việc kinh doanh gặp khó khăn không thể xoay sở được, T không có

mục đích chiếm đoạt tiền vay của anh H. Do đó, hành vi sử dụng giấy đăng ký xe giả khi cầm cố chiếc xe cho anh H của T là có gian dối nhưng không cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C- 169.71 là tài sản đảm bảo của Công ty TNHH T đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP T theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 549/2019/HĐTD/TTB MB2/01 ngày 30/7/2019. Ngày 20/6/2023, Ngân hàng TMCP T có đơn xin lại tài sản là chiếc xe ô tô trên. Bùi Thị T là đại diện theo pháp luật cũng là cổ đông sáng lập duy nhất của Công ty TNHH T và anh Nguyễn Minh H đều đề nghị trao trả xe ô tô 88C- 169.71 cho Ngân hàng TMCP T xử lý theo quy định, không có yêu cầu đề nghị gì liên quan đến xe ô tô này nữa. Ngày 03/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả chiếc xe ô tô này cho ngân hàng TMCP T là phù hợp; nhận tài sản, Ngân hàng không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

- Đối với 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 047537 của xe ô tô có biển kiểm soát 88C- 169.71 giả, xác định đây là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu chuyển theo hồ sơ vụ án theo quy định.

[9]. Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình kiểm tra, xác minh xác định Bùi Thị T đã tự nguyện trả cho Nguyễn Minh H số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 68.700.000đ (Sáu mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền lãi. Anh H đã nhận đủ số tiền trên và tự nguyện thỏa thuận với T trong vòng một năm từ ngày 30/3/2023 T phải trả số tiền gốc là 250.000.000đ, không phải trả lãi cho anh H nữa đồng thời anh H đề nghị CQĐT trả xe ô tô 88C- 169.71 cho Ngân hàng TMCP T xử lý theo quy định, không đề nghị gì liên quan đến vấn đề dân sự nữa. Quá trình điều tra, anh H không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về số tiền còn nợ 250 triệu đồng, xét thấy đây là giao dịch dân sự giữa bị cáo T và anh H nên dành quyền khởi kiện dân sự cho anh H, khi nào anh H có đơn yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết vụ kiện Dân sự khác.

[10]. Về án phí: Bị cáo Bùi Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự; Căn cứ vào Điều 5 Thông tư liên tịch số 01/2023/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 18 tháng 01 năm 2023 Quy định việc phối hợp trong thực hiện một số quy định của Luật Thi hành án hình sự về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Vĩnh Tường nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Bùi Thị T cho UBND xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Bùi Thị T.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Thị T phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Thi hành án HS CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Phòng HS nghiệp vụ công an Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã C;
- Bị cáo T;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải